

# 电视图像中频滤波器

## IF FILTER FOR VIDEO APPLICATION

型号 (PART NO.)		标称频率 (MHz)	制式 System
PE	对照		
V38132 *	K3955	38.0	D/K,I,B/G
V38142	K3957	38.0	D/K,I,B/G
V38151	K3961	38.0	D/K,I,B/G
V389111 *	K3953	38.9	D/K,I,B/G,L
V389141 *	G3956	38.9	D/K,I,B/G
V389151	K3958	38.9	D/K,I,B/G,L
V389161 *	K3965	38.9	D/K,I,B/G,L
V389191 *	K3959	38.9	D/K,I,B/G
V3891101	K3970	38.9	D/K,I,B/G,L
V45111	M3951	45.75	M/N
V45141 *	M3954	45.75	M/N
V45151 *	M3953	45.75	M/N
V58111 *	N3954	58.75	M

